

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-9-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông.
2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Võ Thanh M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Bàu D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Bàu D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông M có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Thanh M trình bày:

Ông và bị đơn là bà Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng N vào năm 2011, hôn nhân là do tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung nhà với cha mẹ của bà T (ấp Bàu D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre). Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ông đề nghị bà T về sống với gia đình bên chồng nhưng bà T không đồng ý. Ông và bà T đã ly thân đến nay là 06 năm nên không thể hàn gắn tình cảm được. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà

T.

Ông và bà T có một người con chung là Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03/9/2011, hiện đang sống cùng với bà T. Ông muốn con chung có cuộc sống ổn định nên ông đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông không đồng ý với ý kiến của bà T về việc yêu cầu ông cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ khi con sinh ra cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự, bị đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông M với điều kiện nếu bà trực tiếp nuôi con chung tên Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03/9/2011 thì ông M phải cấp dưỡng cho con là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng từ khi con sinh ra đến khi tròn 18 tuổi. Nếu ông M không cấp dưỡng cho con chung thì ông M phải trực tiếp nuôi con, bà không cấp dưỡng cho con. Trường hợp ông M không đồng ý với điều kiện trên thì bà không đồng ý ly hôn. Bà không đến Tòa án, yêu cầu Tòa án không mời bà và không đồng ý ký tên vào bất kỳ biên bản nào của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa tham gia đầy đủ các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh M về việc yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về hôn nhân: ông Võ Thanh M được ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về con chung: giao con chung Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03/9/2011 cho bà Lê Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Buộc ông Võ Thanh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Võ Lê Thành T1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, bà Lê Thị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Ông Võ Thanh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông M trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Thanh M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Lê Thị T. Bà T cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông M và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông M, bà T và biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì ông M và bà T phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Từ khi ông M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cho đến nay, bà T bỏ mặc cho ông M tự giải quyết, không tham gia hòa giải. Ông bà cũng không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung mà sống ly thân. Việc bà T không đồng ý ly hôn với ông M là do chưa thống nhất về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con theo điều kiện của bà T đưa ra.

Xét thấy, giữa ông M và bà T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan T1, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không chung sống với nhau. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông M và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M để giải quyết cho ông M được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì ông M và bà T có 01 người con chung là Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2011, hiện đang sống với bà T. Do bà T không đồng ý để Tòa án tiếp xúc với cháu

T1 đề tiên hành lấy ý kiến cháu muốn sống với ai khi cha mẹ ly hôn nên Tòa án không lấy ý kiến của con chung từ đủ 07 tuổi đến dưới 18 tuổi được.

Ông M trình bày, ông muốn cháu T1 có cuộc sống ổn định nên ông giao cháu T1 cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà T có ý kiến bà đồng ý nuôi con với điều kiện ông M cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tính từ khi con sinh ra đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện cháu T1 đang sống với bà T, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn bà T có quyền yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T1. Như vậy, bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con từ khi con sinh ra đến khi ông bà ly hôn là không phù hợp mà nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chỉ phát sinh sau khi ông bà ly hôn.

Tòa án đã thông báo cho bà T giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của cháu T1 nhưng bà T không chứng minh được. Việc ông M đồng ý cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), mức cấp dưỡng này cao hơn mức cấp dưỡng theo quy định ($\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng) nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông M trình bày ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà T thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông M còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh M. Ông Võ Thanh M được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về con chung: giao cháu Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2011 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Võ Thanh M cấp dưỡng cho cháu Võ Lê Thành T1, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2011 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Võ Thanh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Võ Thanh M trình bày ông và bà Lê Thị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà Lê Thị T thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Thanh M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008200 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông Lê Thanh M còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị M Tuyên